

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 03 - 2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hữu Đức

2. Bà Đoàn Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa:
Không tham gia

Ngày 02 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 767/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1992

Cư trú: Lô 18-L2 khóm Th 6, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh Kh, sinh năm 1985

Cư trú: 5-G2 khóm K5, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa bà Th có mặt, ông Kh vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông Kh tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P. Sau khi kết hôn, bà Th và ông Kh chung sống hạnh phúc được 09 năm thì đến đầu năm 2020 bắt đầu thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Cộng với mâu thuẫn từ hai bên gia đình, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng cũng không còn chung sống nữa, ai cũng đã có cuộc sống riêng. Mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Kh

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Th và ông Kh không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th và ông Kh không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Thanh Kh: Vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông Kh vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Kim Th và ông Trần Thanh Kh có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước; bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Kh là người hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố X. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang theo quy định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông Trần Thanh Kh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông Kh tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước. Bà Th cho rằng đến năm 2020, thì vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, cộng với mâu

thuần từ hai bên gia đình nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Th yêu cầu ly hôn với ông Kh. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, cũng như mở phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Kh vắng mặt và không có ý kiến, điều này thể hiện ông Kh không có nguyện vọng đoàn tụ. Mặt khác, bà Th và ông Kh không còn chung sống với nhau. Điều này, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng của bà Th và ông Kh đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Th là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Th xác định bà và ông Kh không có con chung, không có tài sản chung, cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề này. Ông Kh không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ về những nội dung này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 238; 266; 271; 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Các Điều 9; 51; 53; 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim Th được ly hôn với ông Trần Thanh Kh

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0007781 ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X (đã nộp xong).

4. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND p. Mỹ Phước, tp X;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang